

Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70./CV-CTY

Đồng Nai, ngày 09 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

- Mã chứng khoán: DHA

- Địa chỉ: 20C, KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.

- Điện thoại liên hệ: 0251.3954458

Fax:

- E-mail: info@hoaan.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

- Công ty cổ phần Hóa An công bố Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/04/2024 tại đường dẫn: <http://hoaan.com.vn> mục *quan hệ cổ đông/thông tin cổ đông/năm 2024/ Thông báo mời họp và Tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2024.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023.

Đại diện tổ chức

Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Trần Quốc Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
4. Định hướng phát triển	5
5. Các rủi ro.	6
II. Tình hình hoạt động trong năm	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.	12
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tình hình tài chính	15
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	17
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	17
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	18
V. Quản trị công ty	20
1. Hội đồng quản trị	20
2. Ban Kiểm soát.	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	29
VI. Báo cáo tài chính	31



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600464464 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần thứ 11 ngày 06/09/2019.
- Vốn điều lệ: 151.199.460.000
- Vốn của chủ sở hữu: 469.095.957.351 (31/12/2023)
- Địa chỉ trụ sở : 20C, KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 0251. 3954458 – 02513954491
- Số fax:
- Website: hoaan.com.vn
- Mã cổ phiếu: DHA

Quá trình hình thành và phát triển

1980	Thành lập Xi nghiệp đá Hóa An, trực thuộc Bộ Xây dựng, Công suất thiết kế ban đầu 50.000 m ³ đá các loại.
1984	Nâng sản lượng khai thác lên 200.000 m ³ /năm.
1994	Nâng công suất khai thác từ 200.000 m ³ /năm thành 500.000 m ³ /năm.
1995	Đổi tên thành Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An, trực thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1
1998	Thành lập thêm Xi nghiệp 2 khai thác đá tại xã Suối Trâu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, mỏ có trữ lượng 5,5 triệu m ³ và có khả năng khai
1999	Công ty nhận chuyển nhượng lại quyền khai thác mỏ Núi Gió, Tỉnh Bình Phước, có công suất khai thác tối đa 250.000 m ³ /năm.
2000	Chuyển thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Bộ xây dựng tiến hành cổ phần hóa toàn bộ Công
2001	UBND Tỉnh Đồng Nai cấp phép cho Công ty nâng công suất khai thác lên 1.000.000 tấn/năm tại mỏ Đá Hóa An tới năm 2010.



2004	<i>Cổ phiếu Công ty (DHA) chính thức giao dịch tại Sở GDCK TP.HCM. Vốn điều lệ là 38,5 tỷ đồng.</i>
2006	<i>Sản lượng sản xuất công nghiệp của Công ty đạt 1.230.000 m³, tổng doanh thu đạt 83,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 22,6 tỷ đồng.</i>
2007	<i>UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 100.996.700.000 VND.</i>
2008	<i>Được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen và được chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất.</i>
2009	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc.</i>
2010	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc. Đơn vị có Báo cáo thường niên tốt nhất tại cuộc bình chọn BCTN năm. UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 151.199.460.000 VND.</i>
2011	<i>Năm 2005 triển khai đền bù giải phóng mặt bằng dự án mỏ đá Núi Gió, xã Tân Lợi huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 01 năm 2011.</i>
2011	<i>Năm 2009 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Tân Cang 3, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 3 năm 2011.</i>
2011	<i>Năm 2008 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Thạnh Phú 2, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 10 năm 2011.</i>
2017	<i>Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng.</i>

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác và chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, đất sét)
- Địa bàn sản xuất kinh doanh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN TẠI BIÊN HÒA

(mỏ đá Tân Cang 3).

Địa chỉ: Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

+ CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN TẠI VĨNH CỬU

(mỏ đá Thạnh Phú 2).

Địa chỉ: Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

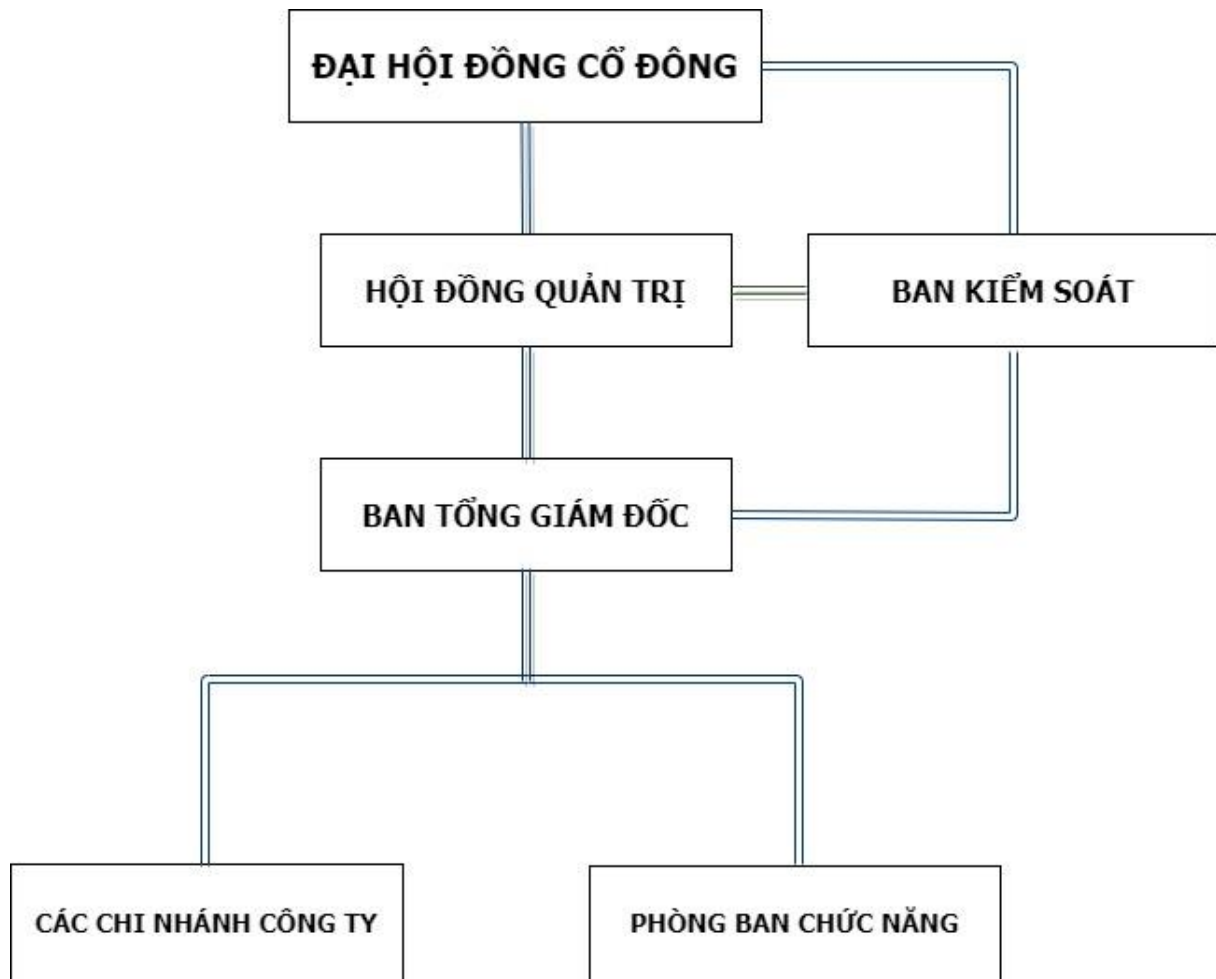
+ CHI NHÁNH CÔNG TY CP HÓA AN TẠI BÌNH PHƯỚC

(mỏ đá Núi Gió).

Địa chỉ: Xã Tân Lợi, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

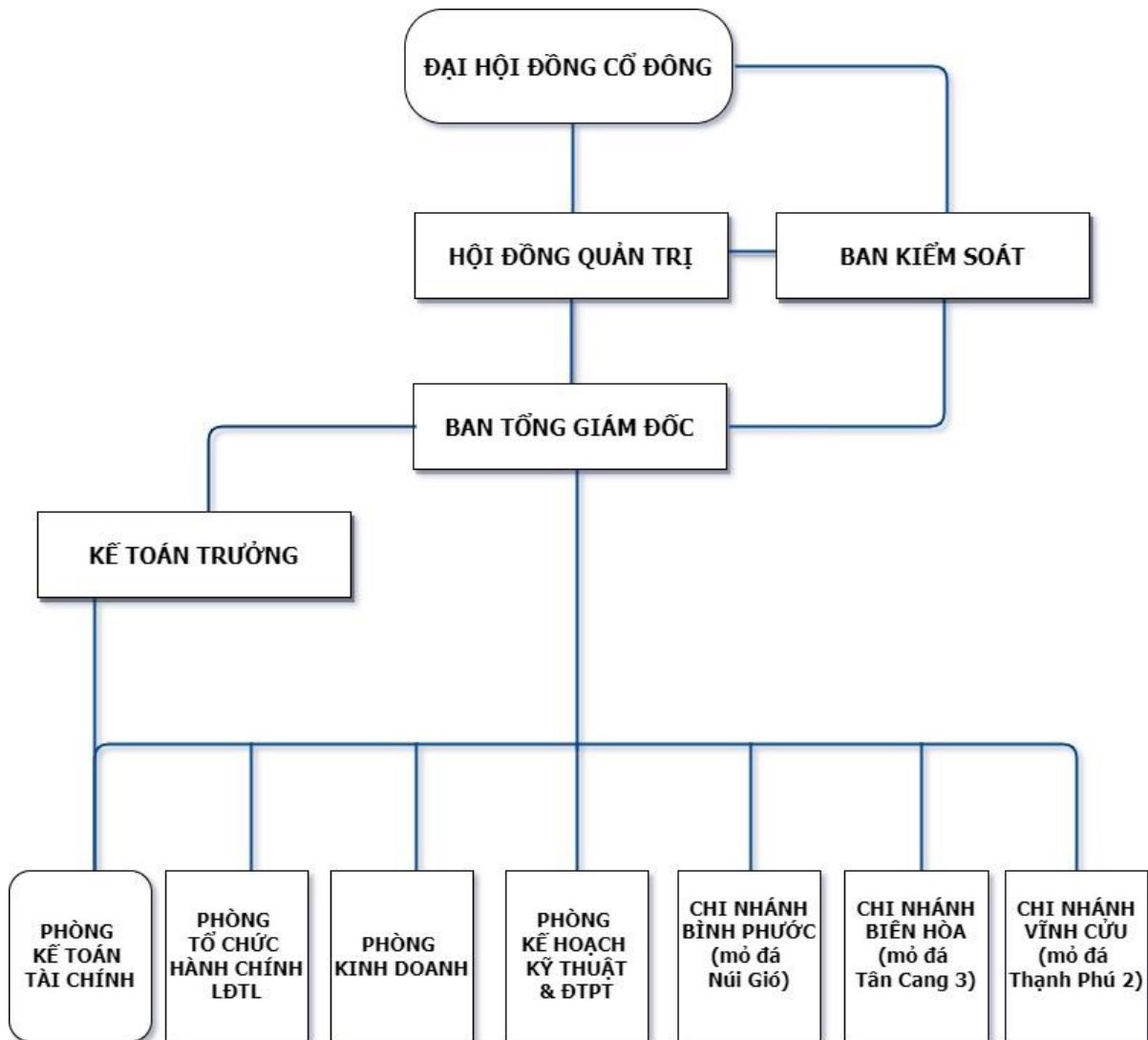
- **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

**- Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.
- BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.
- GIÁM ĐỐC CÁC CHI NHÁNH CÔNG TY, TRƯỞNG CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG.



- Sơ đồ tổ chức:



- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định.

Địa chỉ: Lô E, đường số 2B, Khu Công nghiệp Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Bình Dương.

Vốn điều lệ thực góp: 8,46 tỷ đồng (tỉ lệ: 28,13%)

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

Mã Ngành

0810 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh vật liệu xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)

Mã Ngành

- 2511 Sản xuất các cấu kiện kim loại
Chi tiết: Công nghiệp sản xuất máy móc, phụ tùng, đường ống cấp thoát nước. (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)
- 2592 Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
Chi tiết: Sản xuất, phục hồi các loại khuôn mẫu (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)
- ...

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Cung cấp các sản phẩm đạt qui chuẩn, chất lượng tốt, giá cả hợp lý. Đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu thị trường, củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Phát triển toàn diện về tài chính, nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất tiên tiến, bảo vệ môi trường, nâng cao mức sống và chế độ đãi ngộ đối với người lao động. Chia sẻ thành quả vật chất và tinh thần với cộng đồng và xã hội.

Góp phần tạo nên sự gắn kết và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, mang lại sự phồn vinh cùng đất nước, phấn đấu là một công ty luôn có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Xây dựng và phát triển thương hiệu là một doanh nghiệp khai thác và sản xuất đá xây dựng chất lượng hàng đầu tại khu vực phía Nam.

Xây dựng cơ cấu kinh tế công ty bền vững xoay quanh lĩnh vực: khai thác và sản xuất đá xây dựng, nghiên cứu lĩnh vực bất động sản, cơ sở hạ tầng là những ngành nghề liên quan đến tiêu thụ sản phẩm đá xây dựng của công ty.

Củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

*** Phát triển và bảo vệ môi trường:**

Lĩnh vực hoạt động của công ty là khai thác và chế biến đá xây dựng, ảnh hưởng tới môi trường do bụi từ hoạt động khai thác, chế biến đá gây ra, nên công ty có ý thức phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Đây là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Các hoạt động của Công ty được thực hiện theo đúng qui định về đảm bảo vệ sinh môi trường, trên hiện trường sản xuất luôn có xe tưới nước chống bụi trên các cung đường vận chuyển, tại các trạm nghiền đá được trang bị đầy đủ hệ thống phun sương chống bụi. Nước xả thải từ moong khai thác (nguồn nước phát sinh tại mỏ đá là nước mưa và nước ngầm xuất lộ), được bơm lên trên xử lý qua hố lắng, trước khi xả ra ngoài. Bên cạnh đó, việc quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, có khả năng ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai được thu gom đúng nơi qui định để xử lý, không phát tán ra môi trường.



Định kỳ hàng năm Công ty tiến hành ký hợp đồng đo đạc các thông số về môi trường với đơn vị có chức năng của Nhà nước. Các chỉ số đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn ATVSLĐ.

Công ty tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động như: hướng dẫn sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, về các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh thường xuyên nơi làm việc, hạn chế tối đa sử dụng chai nhựa, huấn luyện an toàn sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất...

Tiết kiệm năng lượng (điện, nhiên liệu đầu vào) vừa đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia, vừa có thể đảm bảo hiệu quả quản lý chi phí cho doanh nghiệp.

Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước: công ty sử dụng nguồn nước mưa tự nhiên và nước sông cho các hoạt động sản xuất.

**** Tác động lên môi trường đối với phát thải khí nhà kính: Không có**

5. Các rủi ro.

Năm 2024 dự báo tình hình thế giới cũng như trong nước còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024 có thể đối diện với các rủi ro sau:

+ Rủi ro thị trường: Thị trường bất động sản vẫn đang khó khăn, bên cạnh đó là sự cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành, cùng khu vực ... như có năng lực sản xuất quy mô lớn hơn, hay một số doanh nghiệp tư nhân áp dụng hình thức chiết khấu linh hoạt theo mô hình hoạt động của tư nhân. Giải pháp: Công ty cần tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, nghiên cứu các chế độ khuyến mãi khách hàng nhằm đảm bảo cho kế hoạch tiêu thụ năm 2024.

+ Rủi ro về biến động giá cả thị trường: Chiến sự Nga -Ukraina, Israel-Gaza ... chưa có dấu hiệu kết thúc, ảnh hưởng đến toàn cầu, có nguy cơ lạm phát, giá cả tăng cao, làm giá cả nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào có thể biến động tăng ngoài dự kiến; giá bán sản phẩm đầu ra khó biến động tương ứng đầu vào sẽ ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của công ty. Biện pháp: Công ty cần tìm nhiều nguồn cung ứng các yếu tố đầu vào, tăng lượng khách hàng đầu ra để đảm bảo ổn định chi phí sản xuất và tổng doanh thu.

+ Rủi ro nợ khó đòi: Để đảm bảo sản lượng tiêu thụ, việc bán hàng phải kết hợp cả hai hình thức thanh toán trước và thanh toán sau. Thanh toán sau có tính rủi ro cao, nhưng đây là những đối tượng khách hàng chiếm tỉ trọng cao, việc xác định rõ, kỹ lưỡng về năng lực hoạt động và khả năng tài chính... của khách hàng là quan trọng, để đặt ra các hạn mức công nợ phù hợp, giảm thiểu tối đa rủi ro.

+ Rủi ro về an toàn lao động: trong ngành sản xuất khai thác đá, nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn là rất cao, khi xảy ra sẽ gây thiệt hại khó lường. Biện pháp: công tác an toàn lao động phải đặt lên hàng đầu trong sản xuất, thường xuyên

tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện định kỳ nhằm nâng cao ý thức, nhận thức về an toàn lao động cho toàn thể người lao động. Trang bị trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng theo qui định, cải thiện điều kiện và môi trường làm việc.

+ Rủi ro về pháp luật: Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, nên chịu sự tác động trực tiếp của nhiều qui định pháp luật, về lĩnh vực khoáng sản, về đất đai, về môi trường, về thuế ... Sự thay đổi về pháp luật của Nhà nước, các qui định của địa phương, sẽ có ảnh hưởng đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh công ty. Giải pháp: công ty phải luôn theo dõi, cập nhật các thay đổi của chính sách pháp luật có liên quan, để điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp pháp luật.

Để quản trị các rủi ro, Công ty luôn chủ động trong tích lũy nguồn lực tài chính, giảm chi phí sản xuất chung, tạo lợi thế cạnh tranh về giá cả, tìm kiếm các thị trường nhỏ lẻ khi thị trường khó khăn về tiêu thụ, giảm tối đa hàng tồn kho nhằm tiết kiệm chi phí di dời, lưu kho. Đối với các chính sách vĩ mô, luôn cập nhật thông tin để có các biện pháp thích ứng kịp thời.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2023, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của công ty khá ổn định. Tình hình thị trường tài chính tốt lên, công ty được hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính và đóng góp vào kết quả lợi nhuận chung của công ty. Do đó các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh đều vượt kế hoạch năm 2023.

Kết quả đạt được trong năm các chỉ tiêu chính, so kế hoạch và so năm trước:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % TH2023 / TH2022	Tỷ lệ % TH2023 / KH2023
1. Tổng sản phẩm đá các loại tiêu thụ	m ³	2.328.913	2.120.000	2.201.128	94,5%	103,8%
2. Tổng doanh thu	1.000đ	399.516.761	365.000.000	390.020.554	97,6%	106,9%
2.1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.000đ	387.820.075	356.000.000	375.398.154	96,8%	105,4%
2.2- Doanh thu hoạt động tài chính	1.000đ	11.080.546	9.000.000	14.605.300	131,8%	162,3%
2.2- Doanh thu khác	1.000đ	616.142	-	17.100	2,8%	-
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000đ	65.279.910	90.000.000	109.899.363	168,4%	122,1%
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	1.000đ	52.332.262	-	87.053.668	166,3%	#
5. Thu nhập theo SP b/quân/tháng/NLĐ	1.000đ	16.300	16.300	16.500	101,2%	101,2%



CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % TH2023 / TH2022	Tỷ lệ % TH2023 / KH2023
6. Cổ tức theo nghị quyết ĐHĐCĐ	%	50%	30% - 50%	30% (*)	-	-

(*) Cổ tức năm 2023: Đã tạm ứng đợt 1 bằng tiền mặt (30%/VĐL), chi trả vào ngày 22/09/2023. Việc chi trả tiếp theo sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

1. ÔNG TRỊNH TIẾN BẢY	TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC (miễn nhiệm ngày 13/03/2024)
Năm sinh	1972
Trình độ chuyên môn	Th.s Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí TL.
Số lượng cổ phần	0 CP (0,0%) (27/3/2024)
SLCP đại diện vốn	1.490.638 CP (10,12%)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
từ 1993 đến 1996	Phụ trách kỹ thuật đội cơ giới, Công ty xây dựng 48
từ 1996 đến 1997	Phụ trách quản lý dự án, Công ty Việt Nam Fatt;
từ 1997 đến 2002	Đội phó đội cơ giới, XN 1- Công ty cổ phần Hóa An
từ 2002 đến 2004	Phó Giám đốc, Giám đốc XN 1 - Công ty cổ phần Hóa An
từ 2004 đến 4/2012	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
từ 5/2012 đến 6/2014	TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
từ 7/2014 đến 3/2024	TV HĐQT - Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
04/2017 đến 3/2024	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phước Hòa FICO
04-2019 đến 3/2024	TV HĐQT Công ty cổ phần CIC39

2. ÔNG NGUYỄN VĂN LƯƠNG	TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC (Bổ nhiệm ngày 13/03/2024)
Năm sinh	1977
Trình độ chuyên môn	Th.s kinh tế, cử nhân quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phần	146.740 CP (0,97%) (27/3/2024)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
08/1999-5/2009	Chuyên viên Phòng kế toán tài chính, Công ty CP Hóa An
06/2009 – 06/2010	Chuyên viên Phòng kế toán tài chính, TV-Ban kiểm soát, Công ty CP Hóa An
7/2010- 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Hóa An tại Vĩnh Cửu
07/2014 – 05/2015	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An, kiêm Giám đốc CN Cty CP Hóa An tại Vĩnh Cửu
06/2015 - 12/2016	Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
01/2017 – 3/2024	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An
04-2019 – Nay	TV HĐQT Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức
04-2021 – Nay	TV HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2
3/2024 - Nay	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Cty cổ phần Hóa An

3. ÔNG ĐỖ VĂN NGỌC

Năm sinh

Trình độ chuyên môn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

1979

Cử nhân kế toán, Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
04/2003-7/2004	Nhân viên Phòng kế toán, Công ty CP Sứ Thiên Thanh
08/2004 – 04/2017	Nhân viên Phòng kế toán tài chính, Công ty CP Hóa An
5/2017- 07/2021	Phó TP Kế toán Công ty CP Hóa An
08/2021 – Nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Hóa An

- Những thay đổi trong ban điều hành: trong năm không thay đổi.

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2023 là 115 người.

- Về Tiền lương: Công ty tính lương khoán theo sản phẩm tiêu thụ trong tháng tương ứng với chức danh công việc của từng người và thanh toán kịp thời hàng tháng cho người lao động. Thực hiện tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho toàn thể người lao động và đúng qui định của pháp luật. Chế độ tiền thưởng Lễ, Tết trong năm được thực hiện đầy đủ, đảm bảo tính khuyến khích tinh thần cho người lao động. Các chính sách chế độ khác được thực hiện đầy đủ theo qui định của pháp luật hiện hành.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

a) Các khoản đầu tư: năm 2023 công ty thoái vốn tại thị trường chứng khoán là 80,3 tỷ đồng, hoàn nhập dự phòng 33 tỷ đồng, lỗ từ mảng đầu tư chứng khoán là 7,7 tỷ, lợi nhuận từ hoạt động tài chính là 39,8 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2023: Giá trị chứng khoán kinh doanh là 8,2 tỷ đồng; Giá trị đầu tư vào đơn vị khác là 8,97 tỷ đồng. Không phát sinh các khoản đầu tư dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Tân Định đang hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2023 dự kiến đạt khoảng 18 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	491.412.663.719	469.095.957.351	-4,8%
Doanh thu thuần	387.820.074.803	375.398.153.999	-3,3%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	64.731.917.853	114.071.982.762	43,3%
Lợi nhuận khác	547.992.827	(4.172.620.069)	-
Lợi nhuận trước thuế	65.279.910.680	109.899.362.693	40,6%
Lợi nhuận sau thuế	52.332.261.663	87.053.668.250	39,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	50%	30% + (*)	

(*) Cổ tức năm 2023: Đã tạm ứng đợt 1 là 30% bằng tiền mặt, chi trả vào ngày 25/09/2023. Việc chi trả tiếp theo sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	8,6	6,9	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	8,6	6,9	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	10,0%	12,4%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	11,1%	14,2%	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	450	95	(Lần)
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	78,9%	80,0%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,5%	23,1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,8%	21,2%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,7%	18,6%	
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	16,7%	30,4%	
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	3.412		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần phát hành: 15.119.946 cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phần lưu hành và chuyển nhượng tự do là 14.726.073 cổ phần, cổ phiếu quỹ là 393.873 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

(Theo DS cổ đông chốt ngày 26/03/2024, ngày ĐKCC 27/03/2024)

STT	Tên cổ đông	Phân loại CD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Tổng Cty VLXD số 1	Cổ đông lớn	3.758.343	24,86%	25,52%
	La Mỹ Phương	Cổ đông lớn	1.381.100	9,13%	9,37%
2	Các cổ đông còn lại	Cổ đông < 5%	9.586.630	63,40%	65,10%
3	Cổ phiếu quỹ		393.873	2,60%	0%
		CỘNG	15.119.946	100%	100%
Phân loại khác					
	2.383 cổ đông	Cá nhân trong nước	8.457.340	55,93%	57,43%
	27 cổ đông	Tổ chức trong nước	4.413.413	29,19%	29,97%
	269 cổ đông	Cá nhân nước ngoài	672.350	4,45%	4,57%
	24 cổ đông	Tổ chức nước ngoài	1.182.970	7,82%	8,03%
	Cổ phiếu quỹ		393.873	2,60%	0%
	2.703 cổ đông	CỘNG	15.119.946	100%	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 393.873 CP.

Trong năm không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không.



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguyên vật liệu công ty sử dụng là đá nguyên khai (đá học) chế biến ra sản phẩm đầu ra là đá 1x2, đá 0x4, đá Mi... Tổng khối lượng đầu vào và đầu ra là bằng nhau, năm 2023 Công ty chế biến sản xuất ra 2.201.128 m³ đá thành phẩm các loại, sản phẩm của công ty không phải đóng gói nên không sử dụng vật liệu đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có nguyên vật liệu tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: trong năm toàn công ty sử dụng hết khoảng 8.106.527 KW điện, trị giá 16.268.096.696 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: trong qua trình sản xuất công ty khoán gọn các chi phí nên các đơn vị, bộ phận sử dụng năng lượng đã ở mức tiết kiệm nhất có thể. Đối với khu vực văn phòng, hành chính, các thiết bị điện chỉ được sử dụng (bật) ở mức vừa đủ dùng để tránh lãng phí điện năng, sử dụng các thiết bị công nghệ mới như đèn LED, máy lạnh inverter...

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: trong năm công ty sử dụng lượng nước khoảng 31.028m³, gồm nước dùng sinh hoạt, và nước dùng cho sản xuất (chống bụi). Nguồn nước sinh hoạt là nước máy, nguồn nước dùng cho sản xuất bơm từ các hồ chứa, sông ngòi tự nhiên để chống bụi tại hiện trường sản xuất.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có nước tái chế, hình thức sử dụng nước là rải đường, phun sương chống bụi trong quá trình sản xuất, nên không thể thu gom tái chế được.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty tuân thủ tốt các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên không bị phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

+ Số lượng người lao động tại thời điểm 31/12/2023 là 114 người, mức lương sản phẩm trung bình là 16.500đ/người /tháng.

+ Phân loại lao động như sau:

Cơ cấu lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ	115	100%
Thạc sỹ	06	5,22%

Đại học	37	32,17%
Cao đẳng	02	1,74%
Trung cấp	16	13,91%
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	40	34,78%
Lao động phổ thông	14	12,17%

Phân theo độ tuổi	115	100,00%
Dưới 35 tuổi	18	15,65%
Từ 35 đến 45 tuổi	52	45,22%
Từ 46 đến 55 tuổi	31	26,96%
Trên 55 tuổi	14	12,17%

Phân theo giới tính	117	100,00%
Nam	95	82,61%
Nữ	20	17,39%

Phân theo hợp đồng lao động	115	100,00%
Không xác định thời hạn	113	98,26%
Xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	02	1,74%

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

+ Công ty luôn chú trọng đến quyền lợi của người lao động trong công ty, đặc biệt là về vấn đề an toàn lao động. Do đặc thù ngành khai thác mỏ, rủi ro về tai nạn lao động tiềm ẩn cao nên Công ty mua bảo hiểm tai nạn đầy đủ cho người lao động của Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, trong đó đối với công nhân lao động trong môi trường nguy hiểm, độc hại công ty mua ở mức cao nhất.

+ Trang bị, cấp phát phương tiện, quần áo bảo hộ lao động, trang phục cho toàn thể người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động, khám bệnh nghề nghiệp cho công nhân lao động trong môi trường độc hại, tổ chức quan trắc môi trường lao động hàng năm. Trang bị các vật tư, thuốc y tế đầy đủ theo qui định tại nơi làm việc.

Chế độ phúc lợi: hàng năm công ty đều tổ chức đi thăm quan, du lịch nghỉ mát cho toàn thể cán bộ công ty nhân viên phù hợp với tình hình tài chính của công ty, năm 2023 công ty tổ chức đi du lịch nghỉ dưỡng tại Sapa hoặc Campuchia. Công ty luôn hỗ trợ các phòng trào đoàn thể trong các hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ tạo đời sống tinh thần tích cực cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành khai thác đá, nhiều rủi ro về an toàn lao động, nên hàng năm công ty đều tổ chức học về an toàn lao động cho tất cả người lao động theo từng nhóm ngành theo qui định của pháp luật. Các chương trình tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, công ty đều cử đi tập huấn các đối tượng người lao động có liên quan.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng khác phục vụ cho công việc và cuộc sống.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường thông qua việc ủng hộ về tài chính; như ủng hộ các địa phương nơi công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh trong phát triển xây dựng nông thôn mới, ủng hộ các phong trào hoạt động cộng đồng, đoàn thể, quỹ bảo trợ trẻ em, hỗ trợ các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn... Tổng số tiền ủng hộ gần 1,4 tỷ đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2023. Trong năm qua dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty cùng tập thể cán bộ công nhân lao động đã tích cực triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua những khó khăn khách quan do tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến động phức tạp và các khó khăn nội tại của công ty để từng bước thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.

2.5 Công tác tiêu thụ sản phẩm và công nợ

Theo tình hình tiêu thụ trên thị trường, Ban Tổng giám đốc giao chỉ tiêu bán hàng mỗi tháng cho từng Chi nhánh đồng thời có chế độ khuyến khích tiền thưởng khi thực hiện vượt chỉ tiêu tháng cho các Chi nhánh, qua đó mang lại những hiệu quả tích cực: Người lao động hăng hái và tích cực hơn trong công việc, chăm sóc khách hàng tốt hơn để mở rộng tiêu thụ, các chi phí được quản lý tốt hơn.

Quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, quản lý công nợ giảm tối đa việc bị chiếm dụng vốn, quản lý hàng tồn kho, tăng vòng quay vốn để tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.

Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của Công ty được ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

Không để phát sinh nợ xấu, bên cạnh đó do có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty, sự tích cực của Ban thu hồi công nợ đã thu được một số khoản nợ xấu,

khó đòi.

1.2 Công tác quản lý

Thường xuyên rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thông suốt về quy trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, công nhân lao động.

Thường xuyên đôn đốc cho các cấp quản lý để nâng cao hiệu quả công tác, cũng như năng lực quản lý để triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được hiệu quả cao.

Tăng cường phân quyền cho các trưởng bộ phận để đảm bảo tính tự chủ, hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.

1.3 Công tác quản lý máy móc thiết bị

Hệ thống trang thiết bị, máy móc, phương tiện... của Công ty thường xuyên được kiểm tra và bảo dưỡng, để đáp ứng yêu cầu sản xuất tốt nhất, khi thị trường tiêu thụ có nhu cầu cao, nhằm phát huy hết theo công suất của mỗi mỏ.

1.4 Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

Ban Điều hành luôn bám sát nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh để chỉ đạo thực hiện sao cho có hiệu quả tốt nhất, xử lý và giải quyết các vướng mắc, phát sinh linh hoạt và kịp thời trong quá trình sản xuất.

Công tác kiểm tra kỹ thuật và chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên, để đảm bảo sản phẩm sản xuất phù hợp thị hiếu thị trường, đảm bảo chất lượng qui cách.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được đặt lên hàng đầu, thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các bộ phận phải luôn chú trọng công tác an toàn lao động, vì khi xảy ra mất an toàn thì thiệt hại sẽ khó lường, ảnh hưởng tới nhiều mặt của công ty, không chỉ là hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó công tác vệ sinh môi trường và điều kiện làm việc được chú trọng, phải tuân thủ tốt theo các qui định của pháp luật và cải thiện thường xuyên.

1.5 Kết quả sản xuất kinh doanh: (xem số liệu chi tiết tại mục II-1)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Ban Tổng giám đốc Công ty thường xuyên chỉ đạo, giám sát về công tác quản lý tài chính của Công ty, cụ thể:

Chủ động cân đối sử dụng vốn lưu động linh hoạt đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thường xuyên cập nhật thông tin tài chính, sản xuất của từng bộ phận để Ban Điều hành nhìn rõ hơn được các vấn đề trong sản xuất kinh doanh để có điều

chính kịp thời.

Quản lý giám sát công nợ khách hàng đảm bảo không phát sinh quá hạn mức. Xem xét các hạn mức tài chính cho từng khách hàng để giảm rủi ro nợ xấu.

Thực hiện lập dự toán đối với các hợp đồng thi công và theo dõi sát việc thực hiện để đảm bảo lãnh đạo Công ty luôn quản lý, nắm bắt được việc triển khai đúng mục tiêu ban đầu.

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: tại ngày 31/12/2023 nợ phải trả của công ty là 58,3 tỷ, trong đó chủ yếu là các khoản nợ các đối tác, tiền thuế, tiền lương người lao động, số dự nợ trên báo cáo tài chính là do việc thanh toán luân phiên gói đầu hàng tháng.

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: công ty không có nợ xấu phải trả, không có sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu nên không ảnh hưởng tỉ giá hối đoái. Công ty không phải đi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: hiện tại về cơ cấu tổ chức, các chính sách, mô hình quản lý của công ty đang thực hiện khá ổn định, hợp lý và đạt hiệu quả tốt nên chưa cần thay đổi.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: tiếp tục nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực mới hoặc đầu tư vào các công ty cùng ngành hoặc liên kết, liên doanh khi có cơ hội khả thi.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Trong năm 2023 công ty thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường như hợp đồng với cơ quan chức năng để quan trắc môi trường lao động tại tất cả các địa bàn sản xuất kinh doanh của công ty (như đo nồng độ bụi, tiếng ồn, lượng khí CO₂, ánh sáng các khu vực làm việc..., quan trắc chất lượng nguồn nước, qui trình xử lý nước thải, tất cả phải đảm bảo theo qui chuẩn trước khi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã tiến hành trồng cây xanh các khu vực xung quanh nơi sản xuất, đường vận chuyển, hàng năm ký quỹ phục hồi môi trường theo qui định...

Việc quản lý chất thải rắn thông thường: rác thải sinh hoạt được công ty môi trường đi thu gom xử lý hàng ngày, bao bì carton do cơ sở nhỏ lẻ thu gom, đất đá không rõ qui cách sử dụng đắp nền đường nội bộ.

Việc quản lý chất thải rắn nguy hại: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau, dầu

nhất thải, hộp mực in do Công ty môi trường thu gom xử lý.

Định kỳ theo qui định công ty đều lập Báo cáo hiện trạng khai thác và sử dụng nước, Báo cáo hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường... gửi các cơ quan chức năng của Tỉnh để kiểm tra và giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của công ty.

Việc tiêu thụ điện, nước, nguyên nhiên vật liệu, phát thải đều được kiểm soát chặt chẽ và tiết kiệm nhất, hướng tới là đơn vị sản xuất kinh doanh ngày càng xanh hơn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Số lượng lao động bình quân năm 2023 là 116 người.

Tiền lương bình quân theo sản phẩm tiêu thụ là 16.500.000đ/người /tháng

Chính sách đối với người lao động:

Khám sức khỏe cho người lao động: thực hiện khám tổng quát hàng năm cho toàn bộ người lao động công ty.

Mua bảo hiểm tai nạn cho toàn thể người lao động hàng năm.

An toàn lao động: hàng năm đều tổ chức tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho tất cả người lao động công ty theo từng phân nhóm theo qui định của pháp luật.

Tổ chức cho người lao động đi du lịch, nghỉ dưỡng hàng năm. Năm 2023 tổ chức du lịch, nghỉ dưỡng tại thành phố Sapa hoặc Campuchia.

Các chế độ chính sách khác: BHXH, BHYT, BHTN, bồi dưỡng ăn ca, độc hại... đều thực hiện đầy đủ theo qui định của pháp luật.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn chú trọng đến công tác xã hội, cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển bền vững, ổn định của xã hội. Thông qua các nguồn tài chính đóng góp cho địa phương, ủng hộ phòng chống thiên tai, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, tài trợ các phòng trào đoàn thể của các địa phương...(số liệu chi tiết tại mục II-6.6).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá tình hình chung: Năm 2023, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá của công ty khá ổn định. Tình hình thị trường tài chính được cải thiện dần và tăng trưởng tốt những tháng cuối năm 2023, công ty được hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính, đóng góp vào lợi nhuận chung toàn công ty. Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều vượt kế hoạch năm 2023. Thu nhập người lao động ổn định theo sản lượng tiêu thụ, các chế độ quyền lợi được thực hiện đầy đủ và

đúng qui định.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty thực hiện tốt các qui định, qui chuẩn về môi trường, định kỳ có báo cáo cơ quan chức năng và qua kiểm tra của cơ quan chức năng công ty không vi phạm, không bị phạt liên quan đến việc bảo vệ môi trường. Công tác xã hội công ty cũng luôn chú trọng đóng góp, ủng hộ các địa phương trong nhiều chương trình như phát triển nông thôn mới, hỗ trợ các phong trào của địa phương, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt vai trò của mình, luôn các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp. Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo cho HĐQT về các hoạt động của Công ty, chủ trương, định hướng, chỉ đạo của HĐQT đưa ra được Ban TGD triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty, vì vậy HĐQT nắm sát tình hình hoạt động, có những chỉ đạo kịp thời, đúng đắn, mang lại hiệu quả tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023 đạt kết quả tốt, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của công ty có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh - tiêu thụ sản phẩm đạt được kết quả tốt nhất có thể. Việc thực hiện các nghĩa vụ như thuế, chế độ lương, thưởng cho người lao động thực hiện tương ứng với kết quả SXKD. Công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường v.v... đều được thực hiện nghiêm chỉnh theo qui định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024.

+ Thực hiện các hoạt động và vai trò của HĐQT theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Nâng cao năng lực quản trị, quản trị hiệu quả các nguồn lực của công ty, tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển công ty.

+ Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2024 ở mức tốt nhất có thể.

+ Chỉ đạo, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024. Nắm bắt sát tình hình để hỗ trợ và phối hợp cùng Ban điều hành Công ty tháo gỡ, xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc, để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất.

+ Về sản xuất: chú trọng trong công tác đầu tư, sửa chữa thiết bị, máy móc, áp dụng công nghệ mới trong chế biến đá xây dựng, để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm, tăng giá trị hàng hóa so với hiện tại và bảo vệ môi trường.

Tìm kiếm thị trường thích hợp để nâng cao tối đa tỷ lệ sản xuất - tiêu thụ đá 1x2 (sản phẩm có biên lợi nhuận cao) trong cơ cấu sản phẩm. Đảm bảo công tác an toàn - vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể xảy ra.

+ Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm dự án mới khả thi, để đầu tư mở rộng, kết hợp tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác để nâng cao lợi nhuận, lợi ích cho cổ đông, ổn định và nâng cao đời sống người lao động, tích lũy phục vụ chiến lược phát triển mở rộng trong dài hạn.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024:

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thị trường tại các khu vực công ty có hoạt động SXKD, tình hình thuận lợi, khó khăn hiện tại của các mỏ đá của Công ty, dự báo triển vọng trong thời gian tới, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 phù hợp thực tế hiện nay, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH 2024 /TH 2023
1. Tổng Sản phẩm đá các loại: (Đvt: m³)	2.201.128	1.410.000	64,1%
<i>Trong đó:</i>			
+ mỏ Núi Gió (đá các loại).	270.027	320.000	118,5%
+ mỏ Tân Cang 3 (đá các loại).	849.226	720.000	84,8%
+ mỏ Thạnh Phú 2 (đá các loại).	1.081.874	370.000	34,2%
2. Tổng Doanh thu: (Đvt: 1.000đ)	390.020.554	267.500.000	68,6%
<i>Trong đó:</i>			
+ Doanh thu sản xuất (mỏ Núi Gió)	51.344.865	60.000.000	116,9%
+ Doanh thu sản xuất (mỏ Tân Cang 3)	159.330.645	141.000.000	88,5%
+ Doanh thu sản xuất (mỏ Thạnh Phú 2)	164.722.644	57.000.000	34,6%
+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh tài chính và doanh thu khác	14.622.400	9.500.000	65,0%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế: (Đvt: 1.000đ)	109.899.362	47.940.000	43,6%
<i>Trong đó:</i>			
+ Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Núi Gió	9.448.418	13.300.000	140,8%
+ Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Tân Cang 3	36.363.854	22.140.000	60,9%
+ Lợi nhuận từ SXKD mỏ đá Thạnh Phú 2	28.384.502	10.300.000	36,3%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tài chính.	39.875.208	9.500.000	23,8%



Chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH 2024 /TH 2023
+ Lợi nhuận từ hoạt động khác	- 4.172.620	-7.300.000	-75,0%
4. Tổng lợi nhuận sau thuế (Đvt: 1.000đ)	87.053.668	38.352.000	44,1%
4. Thu nhập (SP) b/q NLD/tháng:(Đvt: 1.000đ)	16.500	12.000	64,1%
5. Cổ tức dự kiến năm 2023 (%)	30% + (*)	20% đến 30% (**)	

(*) Cổ tức năm 2023: Đã tạm ứng đợt 1 là 30% bằng tiền mặt, chi trả vào ngày 25/09/2023. Việc chi trả tiếp theo sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1 CAO TRƯỜNG THỤ	CHỦ TỊCH HĐQT
Số lượng cổ phần (tỷ lệ biểu quyết)	0 CP (0,0%)
SLCP đại diện vốn (tỷ lệ biểu quyết)	2.267.705 CP (15,40%)
<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
Tổng công ty VLXD số 1	TV HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC
Công ty CP gạch men Thanh Thanh	Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần VITALY	Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần cơ khí Đông Anh	Chủ tịch HĐQT
2 TRỊNH TIẾN BẢY	TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC <i>(miễn nhiệm ngày 13/04/2024)</i>
Số lượng cổ phần (tỷ lệ biểu quyết)	0 CP (0,0%) (27/3/2024)
SLCP đại diện vốn (tỷ lệ biểu quyết)	1.490.638 CP (10,12%)
<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
Công ty CP Phước Hòa FICO	Chủ tịch HĐQT
Công ty CP CIC39	Thành viên HĐQT

3	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	TV HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC (Bổ nhiệm ngày 13/04/2024)
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	146.740 CP (0,99%) (27/3/2024)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	TV HĐQT
	Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	TV HĐQT
4	NGUYỄN TẤN LỘC	TV HĐQT
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	718.230 CP (4,88%)
	<i>Chức danh tại công ty khác:</i>	
	Công ty TNHH Khai thác tài nguyên Lợi Lộc	Giám đốc
	Xí nghiệp sản xuất Gạch Lợi Lộc	Giám đốc
	Công ty TNHH gạch Tuynel Bình Thành	TV HĐQT
5	MAI HOÀNG NGUYỄN	TV HĐQT ĐỘC LẬP
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	0 CP (0%)
	<i>Chức danh tại công ty khác: không</i>	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không thành lập.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT xác định với vai trò là định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát các hoạt động của Công ty phù hợp thẩm quyền của mình. HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định để triển khai các nhiệm vụ cho Ban Điều hành thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết đại hội cổ đông và quy chế quản trị công ty. Với mục tiêu đảm bảo lợi ích cổ đông, lợi ích khách hàng, đối tác và quyền lợi của người lao động.

Trong năm 2023 HĐQT tổ chức 05 cuộc họp, các thành viên đều tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến về sản xuất kinh doanh, chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp, chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu của kế hoạch năm 2023. Các thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin theo quy định khi giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Số lượng buổi dự họp của từng TV HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Cao Trường Thụ	CT HĐQT	09/04/2022	5/5	100%	
2	Trịnh Tiến Bảy	TV HĐQT	20/4/2012	5/5	100%	
3	Nguyễn Văn Lương	TV HĐQT	17/1/2017	5/5	100%	
4	Nguyễn Tấn Lộc	TV HĐQT	09/04/2022	5/5	100%	
5	Mai Hoàng Nguyên	TV HĐQT	09/04/2022	5/5	100%	

Nội dung các cuộc họp:

T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung được thông qua
1	01/NQĐHCD-CtyCPHA	20/04/2023	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023: thông qua các nội dung: 1. Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2022 - chương trình năm 2023; 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 được kiểm toán; 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; 4. Kế hoạch cổ tức năm 2023; 5. Báo cáo Ban kiểm soát (BKS) năm 2022; 6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; 7. Báo cáo Thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023; 8. BKS chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	16/02/2023	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, cụ thể: + Ngày đăng ký cuối cùng: 14/03/2023 + Thời gian thực hiện: 20/04/2023. + Địa điểm: Trụ sở công ty, 20C Nguyễn Văn Lung, KP Cầu Hàng, P. Hóa An, Biên Hòa, Đồng Nai. + Nội dung: cụ thể được ghi trong Thông báo mời họp gửi cổ đông.
3	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	20/03/2023	Thông qua tài liệu trình họp Đại hội đồng cổ đông TN năm 2023: + Chương trình đại hội cổ đông. + Quy chế làm việc tại đại hội. + BC hoạt động của HĐQT và kết quả SXKD năm 2022, Chương trình hoạt động và kế hoạch SXKD năm 2023. Kế hoạch trả cổ tức năm 2023. + BC hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022. + Phương án PP lợi nhuận năm 2022. + BC thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2023. + Chọn đơn vị kiểm toán: sát xét BCTC bán niên và kiểm

			toán BCTC năm 2023.
4	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	28/06/2023	+ Nhất trí với Báo cáo KQSXKD 05 tháng năm 2023 của Ban Điều hành: Tổng SL 821.371/2.120.000m ³ (=38,7% KH năm); Tổng DT: 146,3 tỷ đ/365 tỷ đ (=40%KH năm); Lợi nhuận TT: 39 tỷ đ/90 tỷ đ (=43,4% KH năm).
5	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	16/08/2023	+ Nhất trí với báo cáo của Ban Điều hành về kết quả SXKD 6 tháng (đã kiểm toán) và kết quả SXKD 7 tháng (công ty lập). + Đầu tư tài chính: đồng ý để Ban Điều hành tiếp tục nghiên cứu và chọn thời điểm thích hợp để đầu tư. + Đầu tư lĩnh vực SX chính: Giao Ban Điều hành tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu và báo cáo khi có dự án cụ thể khả thi. + Khu đất Văn phòng công ty: Giao Ban Điều hành liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục tiếp tục thuê đất. + Tạm ứng cổ tức năm 2023: đồng ý tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt, tỉ lệ trả là 30%. Giao Ban Điều hành chọn thời điểm phù hợp để triển khai các thủ tục chi trả. + Một số diện đất đã mua trước đây không sử dụng đến (ngoài phạm vi đất SXKD): đồng ý về chủ trương cho Ban Điều hành tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng.
6	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT	16/08/2023	V/v Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt, tỉ lệ trả là 30%. Thời gian chi trả trong quý 3 năm 2023.
7	Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT	21/12/2023	+ Nhất trí với báo cáo của Ban Điều hành về kết quả SXKD năm 2023 (ước): Tổng SL 2.145.000m ³ , Tổng DT 378 tỷ đồng, LNTT 94 tỷ đồng . + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024: giao Ban điều hành chỉnh sửa KHSXKD cho phù hợp với tình hình thực tế tại các mỏ. + Thống nhất thành lập Phòng Đầu tư trực thuộc Ban Điều hành, giao ông Nguyễn Văn Lương xây dựng Chức năng nhiệm vụ cụ thể trước ngày 15/01/2024. + Về các vấn đề pháp lý ở các mỏ: Ban điều hành báo cáo HĐQT các đầu mục công việc cụ thể và kế hoạch triển khai các việc tiếp theo. + Để tăng sản lượng, lợi nhuận Núi gió: giao Ban Điều hành tìm đối tác và lập phương án cụ thể và báo cáo HĐQT trước khi thực hiện. + Đồng ý chủ trương thuê đất để làm sân công nghiệp tại Thạnh Phú 2: giao Ban điều hành đi tiếp xúc tìm kiếm và báo cáo HĐQT cụ thể trước khi thực hiện.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập, 03 thành viên không điều hành. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động chỉ đạo chiến lược chung, đã làm việc với

tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng.

Các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

*** Về việc giám sát Tổng Giám đốc**

HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ.

Ban Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động tại công ty theo đúng chỉ đạo định hướng của HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của công ty, trong quá trình thực hiện, Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo đầy đủ kết quả, qua đó HĐQT nắm rõ tình hình hoạt động của công ty.

*** Về việc giám sát Báo cáo tài chính, kết quả hoạt động SXKD của công ty**

Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

*** Đánh giá chung hoạt động của HĐQT**

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2023 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.

Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của công ty.

HĐQT đã đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Ban Kiểm soát.

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1	PHẠM VIỆT THẮNG	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	0 (0%)
2	ĐẶNG XUÂN LONG	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
	Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)	0 (0%)

3 TRẦN QUỐC TRUNG**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Số lượng cổ phần (tỉ lệ biểu quyết)

0 (0%)**2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức họp được 3 lần để thực hiện các nhiệm vụ của Ban, các thành viên đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có đóng góp ý kiến, cũng như chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Ngày 20/06/2023 Ban kiểm soát đã họp và chọn đơn vị kiểm toán để soát xét bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty.

Ngày 16/11/2023 Ban Kiểm soát đi kiểm tra thực tế tại mỏ đá Núi Gió – Tân Lợi – Hớn Quản - Bình Phước, sản lượng, doanh thu 10 tháng ước đạt 66%, tình hình thị trường tiêu thụ khó khăn chung nên sản lượng doanh thu cả năm ước đạt khoảng 84 % kế hoạch năm. Về công tác sản xuất, an toàn lao động, môi trường lao động đều thực hiện tốt.

Ngày 28/11/2023 Ban Kiểm soát đi kiểm tra thực tế tại mỏ đá Thạnh Phú 2 – Thiện Tân - Vĩnh Cửu - Đồng Nai, sản lượng, doanh thu 10 tháng ước đạt 84%, tình hình thị trường tiêu thụ tốt nên sản lượng doanh thu cả năm ước đạt khoảng 102 % kế hoạch năm. Về công tác sản xuất, an toàn lao động, môi trường lao động đều thực hiện tốt.

Ngày 28/11/2023 Ban Kiểm soát đi kiểm tra thực tế tại mỏ đá Tân Cang 3 – Tam Phước – Biên Hòa - Đồng Nai, sản lượng, doanh thu 10 tháng ước đạt 95%, tình hình thị trường tiêu thụ tốt nên sản lượng doanh thu cả năm ước đạt khoảng 108 % kế hoạch năm. Về công tác sản xuất, an toàn lao động, môi trường lao động đều thực hiện tốt.

2.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty năm 2023.***Công tác tài chính kế toán và kiểm toán báo cáo tài chính:***

Công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán theo quy định của chế độ kế toán, các số liệu được ghi nhận đầy đủ, chính xác và đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam soát xét bán niên và kiểm toán năm 2023, đảm bảo tính độc lập và phản ánh đầy đủ. Ban kiểm soát đã thẩm định các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm trước khi phát hành.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Tỷ lệ	
						So KH 2023	So TH 2022
I	Sản lượng SX và tiêu thụ toàn công ty.	m³	2.120.000	2.201.128	2.328.913	104%	95%
1	Núi Gió	m ³	350.000	270.028	352.247	77%	77%
2	Tân Cang	m ³	720.000	849.226	786.125	118%	108%



3	Thanh Phú	m ³	1.050.000	1.081.874	1.190.540	103%	91%
II	Tổng doanh thu. trong đó:	Tr.đồng	365.000	390.020	399.517	107%	98%
1	Doanh thu BHCCDV	Tr.đồng	356.000	375.398	387.820	105%	97%
a	Núi Gió	Tr.đồng	64.400	51.345	64.331	80%	80%
b	Tân Cang	Tr.đồng	132.000	159.331	140.534	121%	113%
c	Thanh Phú	Tr.đồng	159.600	164.722	182.955	103%	90%
2	Doanh thu hoạt động TC và doanh thu khác	Tr.đồng	9.000	14.622	11.697	162%	125%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.000	109.899	65.280	122%	168%
1	Núi Gió	Tr.đồng	17.300	9.448	17.961	55%	53%
2	Tân Cang	Tr.đồng	33.400	36.364	35.792	109%	102%
3	Thanh Phú	Tr.đồng	30.600	28.385	32.502	93%	87%
4	LN tài chính và LN khác	Tr.đồng	8.700	35.702	(20.975)	410%	-

Đánh giá về kết quả kinh doanh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 375,4 tỷ đồng, bằng 105% so kế hoạch.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 110 tỷ đồng đạt tỉ lệ 122% so kế hoạch, bằng 168% so với thực hiện năm 2022. (trong đó: Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác là 35,7 tỷ đồng và LN từ hoạt động SXKD chính là 74,2 tỷ đồng).

Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (sản phẩm đá các loại) là **74,2 tỷ đồng**, trong đó:

+ Mỏ Núi Gió: đạt 9,5 tỷ đồng, đạt 54,6% so với kế hoạch và đạt 52,6% so với thực hiện năm 2022. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt năm 2023 là 18,4% (năm 2022 là 27,9%).

Thị trường VLXD tại Bình Phước và các khu vực lân cận suy giảm so với năm 2022 đã làm doanh thu giảm 20% so với thực hiện 2022 và lợi nhuận giảm 47% so với 2022. Lợi nhuận giảm nhiều do Công ty đã phân bổ khoản trích lập dự phòng 3,6 tỷ đồng (khoản nợ của Phú Mỹ An).

+ Mỏ Tân Cang: đạt 36,4 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch và đạt 102% với thực hiện năm 2022. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu năm 2023 là 22,8% (năm 2022 là 25,5%).

Khu vực mỏ Tân Cang đang được hưởng lợi rất lớn từ chính sách đầu tư công của chính phủ, các dự án lớn đang được triển khai như sân bay Long Thành, cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu ...làm nhu cầu về đá tăng cao. Tuy nhiên Lợi nhuận không tăng tương ứng do Công ty phân bổ khoản trích lập dự phòng 4,15 tỷ đồng

(khoản nợ của Phú Mỹ An).

+ Mỏ Thạnh Phú: đạt 28,3 tỷ đồng, đạt 92,8% so với kế hoạch và đạt 87,3% so với thực hiện năm 2022. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu năm 2023 là 17,2% (năm 2022 là 17,8%). Tương tự 2 mỏ trên công ty cũng phân bổ khoản trích lập dự phòng 5,6 tỷ đồng (khoản nợ của Phú Mỹ An).

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và thu nhập khác là 35,7 tỷ đồng, cụ thể:

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 14,6 tỷ đồng (chủ yếu là lãi tiền gửi).

+ Chi phí tài chính: -25,3 tỷ đồng (chủ yếu là từ hoàn nhập dự phòng cổ phiếu HPG là 31,5 tỷ đồng).

+ Lợi nhuận khác: - 4,2 tỷ đồng (chủ yếu là khoản tiền phạt vi phạm hành chính theo QĐ 445/QĐ-XPHC ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai.).

Tình hình quản lý sử dụng vốn và tài sản:

- Về Công nợ:

+ Công ty đã thu hồi được một số khoản nợ khó đòi, tuy nhiên việc thu hồi công nợ gặp một số khó khăn, và chưa hoàn thành theo yêu cầu của cổ đông tại ĐHCĐ năm 2023, trong đó: khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Cty Phú Mỹ An chưa thu hồi được và công ty đã trích 13 tỷ đồng lập dự phòng trong năm 2023 cho khoản công nợ này.

- Vay nợ ngân hàng: Công ty không vay nợ ngân hàng.

- Trong năm 2023 Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2022 trong 2 đợt với tổng số tiền 73,6 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 là 44,2 tỷ đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2023 lượng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng là 260 tỷ đồng, đây là nguồn vốn tốt để phục vụ cho chiến lược dài hạn phát triển mở rộng của Công ty.

Tình hình tại các mỏ đá:

- Mỏ Núi Gió:

+ Lao động ổn định đáp ứng được yêu cầu công việc. Toàn bộ cán bộ, công nhân viên tại chi nhánh đã được huấn luyện An toàn lao động theo quy định.

+ Các máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu sản xuất, tiêu thụ. Thị trường tiêu thụ còn chưa phát triển, nhu cầu đá xây dựng thấp.

+ Mỏ đang tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường theo nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Mỏ Tân Cang 3:

+ Lao động ổn định đáp ứng được yêu cầu công việc. Toàn bộ cán bộ, công nhân viên tại chi nhánh đã được huấn luyện An toàn lao động theo quy định.

+ Các máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu sản xuất, tiêu thụ. Năm 2023 Mỏ Tân Cang 3 tiêu thụ thuận lợi, sản lượng tiêu thụ vượt kế hoạch.

+ Mỏ đang tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường theo nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Mỏ Thạnh Phú 2:

+ Lao động ổn định đáp ứng được yêu cầu công việc. Toàn bộ cán bộ, công nhân viên tại chi nhánh đã được huấn luyện An toàn lao động theo quy định.

+ Các máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Năm 2023 Mỏ Thạnh Phú 2 tiêu thụ thuận lợi, sản lượng tiêu thụ vượt kế hoạch.

+ Mỏ đang tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường theo nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

1. Đầu tư:

Đến ngày 31/12/2023 công ty đã bán hết 2.640.000 cổ phiếu HPG và hoàn nhập dự phòng và ghi nhận lỗ 7,7 tỷ đồng.

2.4 Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và những nội dung khác:

Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 5 phiên họp với nội dung trọng tâm đánh giá tình hình hoạt động SXKD và các mặt hoạt động khác của công ty. Bàn bạc tìm biện pháp thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023 để đạt hiệu quả tốt nhất, cũng như bàn thảo phương hướng chiến lược cho công ty.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau các cuộc họp để triển khai thực hiện, các Nghị quyết về trả cổ tức ...vv, tất cả đều được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định của Pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, giải quyết nhanh những vướng mắc khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, có nhiều biện pháp điều hành cần thiết để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao.

- Ban Tổng Giám đốc đã phát huy các lợi thế của công ty trong SXKD để tối đa hóa hiệu quả SXKD trong điều kiện thị trường có nhiều diễn biến phức tạp và có các quyết định điều hành kịp thời, theo hướng phục vụ yêu cầu khách hàng là hàng đầu, điều chỉnh giá bán phù hợp theo diễn biến thị trường... để mang lại hiệu quả tốt nhất.

- Việc thực hiện giao khoán tiền lương và chế độ thưởng cho người lao

động công ty theo KQSXKD (theo sản phẩm tiêu thụ) là phù hợp, mức thu nhập người lao động ổn định, thu nhập bình quân theo sản phẩm đạt 16,5 triệu đ/người/tháng, đạt 101,2% kế hoạch. Trong năm không xảy ra tranh chấp nào giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Công ty duy trì hài hòa lợi ích giữa cổ đông, các đối tác hợp tác sản xuất kinh doanh, quyền lợi của người lao động, tích lũy nguồn vốn để phát triển.

Về công bố thông tin: Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, công bố đầy đủ các thông tin định kỳ theo quý, bán niên, thường niên và các thông tin bất thường khác. Người nội bộ tuân thủ việc công bố thông tin liên quan của cá nhân cũng như của người liên quan.

Năm 2023, Ban kiểm soát không có nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và lãnh đạo quản lý tại các cơ sở trực thuộc của Công ty.

2.5 Kết luận và kiến nghị

Trước tình hình đang tồn đọng một số vấn đề về pháp lý tại các mỏ, đề nghị công ty tích cực triển khai thực hiện để hoàn thiện các giấy tờ pháp lý của các mỏ, để các hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Tích cực công tác thu hồi công nợ khách hàng, thu hồi công nợ tồn đọng của Công ty Phú Mỹ An.

Công ty cần tiếp tục nghiên cứu, phân tích để việc đầu tư tài chính vào các Công ty trên thị trường đạt kết quả tốt hơn, nghiên cứu các lĩnh vực đầu tư khác để mở rộng qui mô và sự phát triển bền vững.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát để hạn chế tối đa rủi ro trong việc sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cần bám sát tình hình thị trường và cân đối tình hình đầu tư tài chính nhằm đảm bảo hiệu quả trong công tác sử dụng vốn của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a. Thù lao Hội đồng quản trị:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, tổng mức thù lao của HĐQT năm 2022 là 2% lợi nhuận sau thuế = 1.741.073.000 đồng. Phân bổ như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số	Số tiền thù lao (đ)	Ghi chú
1	Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT	1,2	401.786.000	Chưa trừ thuế TNCN
2	Trịnh Tiến Bảy	TV- HĐQT;	1	334.822.000	Chưa trừ



		Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 13/03/2024)			thuế TNCN
3	Nguyễn Văn Lương	TV- HĐQT: Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 13/03/2024)	1	334.822.000	Chưa trừ thuế TNCN
4	Nguyễn Tấn Lộc	TV- HĐQT độc lập	1	334.822.000	Chưa trừ thuế TNCN
5	Mai Hoàng Nguyên	TV- HĐQT độc lập	1	334.821.000	Chưa trừ thuế TNCN
Tổng cộng				1.046.645.000	

Trong năm HĐQT không phát sinh chi phí khác.

b. Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác năm 2023.

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương (đ)	Thưởng (đ)	Tiền quyết toán thuế TNCN
1	Trịnh Tiến Bảy	TV- HĐQT; Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 13/03/2024)	755.872.960	223.740.000	(177.464.730)
2	Nguyễn Văn Lương	TV- HĐQT: Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 13/03/2024)	494.381.790	134.466.000	(109.314.870)
3	Đỗ Văn Ngọc	Kế toán trưởng	431.294.875	108.520.000	(34.910.475)

c. Thù lao và các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết ĐHCĐ 2023, tổng số tiền thù lao BKS là 288.000.000đ và được phân chia như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền thù lao (đ)	Ghi chú
1	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	120.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
2	Đặng Xuân Long	Thành viên	84.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
3	Trần Quốc Trung	Thành viên	84.000.000	Chưa trừ thuế TNCN
Tổng cộng			288.000.000	

Trong năm Ban kiểm soát không phát sinh chi phí khác.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

a. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

+ Người nội bộ: Nguyễn Tấn Lộc – TVHĐQT



+ Người liên quan người nội bộ: Nguyễn Thị Ngọc Nhung – em ruột của Nguyễn Tân Lộc.

b. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

+ Nguyễn Thị Ngọc Nhung – số lượng cổ phiếu trước khi giao dịch : 186.100 CP (tỉ lệ 1,23%); thực hiện giao dịch bán 186.100 CP từ ngày 16/10/2023 đến 09/11/2023, số lượng cổ phiếu sau khi giao dịch 0 CP (tỉ lệ 0%).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: thực hiện đầy đủ theo các quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

(xem từ trang tiếp theo)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

20C, Khu phố Cầu Hang, phường Hoà An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa An trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa An (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 (số cũ là 4703000008), được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13/3/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 13/03/2023 là 151.199.460.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Hoa An Joint Stock Company.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: DHA

Địa chỉ trụ sở chính: 20C, Khu phố Cầu Hang, phường Hoà An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng ban
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu tại mục thuyết minh 7.1, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên của Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Lương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 50/UQ-CtyCPHA ngày 06/03/2024

của Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Số: 98/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa An được lập ngày 13/3/2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán ngày 09/3/2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024*

A blue handwritten signature of Đam Tuấn Anh.

Đam Tuấn Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		359.926.792.107	369.280.328.082
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	116.161.635.042	60.897.636.225
1. Tiền	111		37.161.635.042	60.897.636.225
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.000.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	186.639.465.485	222.862.241.485
1. Chứng khoán kinh doanh	121		8.189.354.161	88.534.404.653
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.549.888.676)	(35.672.163.168)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		181.000.000.000	170.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.889.172.444	74.440.203.444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	28.372.521.954	38.633.105.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.434.615.573	6.431.051.712
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	27.159.956.623	27.159.956.623
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	4.121.984.917	3.116.546.516
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(14.199.906.623)	(900.456.623)
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	2.261.731.935	64.650.000
1. Hàng tồn kho	141		2.829.808.101	632.726.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(568.076.166)	(568.076.166)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.974.787.201	11.015.596.928
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	-	475.907.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.383.383.583	2.157.259.327
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	591.403.618	8.382.429.876
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		109.169.165.244	122.132.335.637
I Các khoản phải thu dài hạn	210		10.005.930.366	7.968.909.709
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	10.005.930.366	7.968.909.709
II Tài sản cố định	220		45.365.135.684	53.160.725.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	13.181.417.453	16.005.418.758
- Nguyên giá	222		84.719.472.754	84.272.472.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.538.055.301)	(68.267.053.996)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	32.183.718.231	37.155.306.603
- Nguyên giá	228		97.797.141.259	97.797.141.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.613.423.028)	(60.641.834.656)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.140.058.801	21.140.058.801
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	21.140.058.801	21.140.058.801
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.459.840.000	8.459.840.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		510.000.000	510.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.969.840.000)	(8.969.840.000)
VI Tài sản dài hạn khác	260		32.658.040.393	39.862.641.766
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	32.658.040.393	39.862.641.766
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		469.095.957.351	491.412.663.719

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		58.327.753.502	49.046.475.371
I- Nợ ngắn hạn	310		51.926.646.930	43.092.760.650
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	10.531.906.067	12.186.403.239
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.057.424.162	1.692.195.025
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	21.500.417.638	9.453.912.419
4. Phải trả người lao động	314		10.609.298.546	10.656.144.790
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		654.271.668	658.105.773
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		98.615.000	128.191.251
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.474.713.849	8.317.808.153
II- Nợ dài hạn	330		6.401.106.572	5.953.714.721
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.15	6.401.106.572	5.953.714.721
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		410.768.203.849	442.366.188.348
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	410.768.203.849	442.366.188.348
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.199.460.000	151.199.460.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.199.460.000	151.199.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.398.416.000	58.398.416.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.645.123.500)	(11.645.123.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		98.745.293.116	98.745.293.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		114.070.158.233	145.668.142.732
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		71.194.708.983	93.335.881.069
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		42.875.449.250	52.332.261.663
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		469.095.957.351	491.412.663.719

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Ngọc

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	375.398.153.999	387.820.074.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		375.398.153.999	387.820.074.803
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	270.701.423.565	284.973.204.825
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		104.696.730.434	102.846.869.978
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	14.605.300.301	11.080.545.855
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(25.269.908.060)	32.603.530.808
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	77.214.991	13.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	30.422.741.042	16.578.967.172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		114.071.982.762	64.731.917.853
11. Thu nhập khác	31	6.6	17.100.000	616.142.045
12. Chi phí khác	32	6.6	4.189.720.069	68.149.218
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(4.172.620.069)	547.992.827
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		109.899.362.693	65.279.910.680
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	22.845.694.443	12.947.649.017
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		87.053.668.250	52.332.261.663
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	5.912	3.496

Người lập



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Ngọc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		109.899.362.693	65.279.910.680
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		8.242.589.677	8.159.086.426
- Các khoản dự phòng	03		(19.239.070.280)	32.464.451.392
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(14.605.300.301)	(10.816.045.281)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		84.297.581.789	95.087.403.217
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.681.321.829	(9.370.172.645)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.197.081.935)	75.300.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.510.051.101	(10.746.050.445)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.680.509.098	10.640.601.681
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		80.345.050.492	(65.080.142.224)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.449.558.552)	(17.551.524.776)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.843.094.304)	(3.155.008.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		169.024.779.518	(99.593.876)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(447.000.000)	(2.754.295.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		74.544.698	605.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(336.000.000.000)	(176.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		325.000.000.000	169.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.605.300.301	10.210.590.736
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.232.844.999	1.061.749.373
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(116.993.625.700)	(73.636.095.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(116.993.625.700)	(73.636.095.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		55.263.998.817	(72.673.939.803)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		60.897.636.225	133.571.576.028
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	116.161.635.042	60.897.636.225

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Đỗ Văn Ngọc

Nguyễn Văn Lương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 (số cũ là 4703000008) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13/3/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 13/3/2023 là 151.199.460.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi một tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Hoa An Joint Stock Company.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: DHA

Địa chỉ trụ sở chính: 20C, Khu phố Cầu Hang, phường Hoá An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 115 người (tại ngày 01/01/2023: 117 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Xây dựng công trình đường bộ.
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Đại lý du lịch.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.
- Xây dựng nhà để ở.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
<i>Công ty liên kết</i>					
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân định - FICO	Lô E, Đường số 2B, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng	28,13%	28,13%	28,13%

Các đơn vị trực thuộc gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa	Phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước	Xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất thuộc mỏ đá Thạnh Phú 2, xã Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Giá trị quyền sử dụng đất thuộc mỏ đá Núi Gió tại xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước và giá trị quyền sử dụng đất thuộc mỏ đá Tân Cang 3 tại khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí bóc đất tầng phủ

Chi phí bóc đất tầng phủ thể hiện số tiền Công ty đã bỏ ra để thực hiện bóc bề mặt đất của các mỏ đá mà Công ty đang khai thác. Chi phí bóc đất tầng phủ được phân bổ dần từ 03 – 15 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng

Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng là các chi phí Công ty bỏ ra để thực hiện việc khai thác đá và được phân bổ từ 03 đến 20 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí liên quan đến tiền điện sản xuất, chi phí vật tư sửa chữa và các chi phí trích trước khác: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là chi phí hoàn nguyên môi trường được trích trước dựa trên phương án phục hồi môi trường đã được Nhà nước phê duyệt với thời gian chi trả là vào thời điểm thực tế thực hiện phương án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Thông báo của Công ty về thời gian chi trả Cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng chủ yếu là bán đá xây dựng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác được áp dụng với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là các chi nhánh đang hoạt động theo khu vực địa lý trên lãnh thổ Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.563.699.364	2.849.828.741
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.597.935.678	58.047.807.484
Các khoản tương đương tiền (i)	79.000.000.000	-
Tổng	116.161.635.042	60.897.636.225

(i) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 2,9% - 3,7%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2023

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

a. Chương khoản kinh doanh

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
1. Đầu tư vào cổ phiếu (i)				
Tổng giá trị cổ phiếu	6.043.354.161	(2.170.615.161)	86.388.404.653	(35.292.889.653)
Trong đó chủ yếu:				
<i>Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh</i>	<i>6.043.354.161</i>	<i>3.872.739.000</i>	<i>(2.170.615.161)</i>	<i>6.043.354.161</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy</i>	-	-	-	1.300.492
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát</i>	-	-	-	80.343.750.000
2. Các khoản đầu tư khác	2.146.000.000	(379.273.515)	2.146.000.000	(379.273.515)
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Phú Yên</i>	<i>2.146.000.000</i>	<i>(ii)</i>	<i>(379.273.515)</i>	<i>(ii)</i>
Tổng	8.189.354.161	(2.549.888.676)	88.534.404.653	(35.672.163.168)

(i) Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 29/12/2023 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(ii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kê thúc ngày 31/12/2023

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	181.000.000.000	181.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh SGD Đồng Nai	91.300.000.000	91.300.000.000	48.300.000.000	48.300.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai	35.000.000.000	35.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	44.700.000.000	44.700.000.000	101.700.000.000	101.700.000.000
Tổng	181.000.000.000	181.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000

(i) Hợp đồng tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5% - 7,3 %/năm.

c. Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)					
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết	8.459.840.000	28%	8.459.840.000	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(8.459.840.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân định - FICO	8.459.840.000	28%	8.459.840.000	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(8.459.840.000)
Đầu tư vào đơn vị khác	510.000.000	0,2%	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	510.000.000	0,2%	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
Tổng	8.969.840.000		(8.969.840.000)		8.969.840.000	(8.969.840.000)	8.969.840.000	(8.969.840.000)

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết trên thị trường do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đá Thạnh Phú	9.020.570.694	17.969.920.223
Công ty Cổ phần Thiên Phát	6.920.000.000	7.300.000.000
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	3.498.383.749	3.738.383.749
Công ty Cổ phần Khai thác đá Hà Nam	2.050.000.000	2.450.000.000
Các đối tượng khác	6.883.567.511	7.174.801.244
Tổng	28.372.521.954	38.633.105.216

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Khai Thác Đá Lê Thu	4.532.133.412	4.772.133.412
Liên hiệp khoa học sản xuất địa chất Nam Bộ	1.036.659.252	300.676.800
Các đối tượng khác	865.822.909	1.358.241.500
Tổng	6.434.615.573	6.431.051.712

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội (i)	26.598.900.000	26.598.900.000
Các đối tượng khác	561.056.623	561.056.623
Tổng	27.159.956.623	27.159.956.623

(i) Đây là khoản phải thu về vốn góp đầu tư xây dựng tòa nhà thương mại, văn phòng và căn hộ với Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 86/2017/HĐHTKD ngày 31/05/2017 với giá trị ban đầu là 30.000.000.000 VND. Theo hợp đồng sau 6 tháng Công ty được quyền rút vốn và hưởng lợi tức cố định là 11%/ năm. Vào ngày 17/4/2018, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh trên theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 86/2017/HĐHTKD. Theo biên bản làm việc với Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội lần gần nhất là ngày 25/11/2022, Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ trong năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
20C Khu phố Cầu Hang, phường Hóa An,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUÝẾT MINH BẠO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kế thực ngày 31/12/2023

5.6 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<i>a) Ngân hạn</i>	4.121.984.917	(339.400.000)	3.116.546.516	(339.400.000)
Tạm ứng	509.173.650	-	969.494.650	-
Tiền lãi cho vay	659.588.000	(339.400.000)	885.180.000	(339.400.000)
Các khoản khác	2.953.223.267	-	1.261.871.866	-
<i>b) Dài hạn</i>	10.005.930.366	-	7.968.909.709	-
Ký quỹ phục hồi môi trường	10.005.930.366	-	7.968.909.709	-
Tổng	14.127.915.283	(339.400.000)	11.085.456.225	(339.400.000)

5.7 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Trần Kim Thi	900.456.623	-	900.456.623	-
Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội	26.598.900.000	13.299.450.000	-	-
Tổng	27.499.356.623	13.299.450.000	900.456.623	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	632.726.166	(568.076.166)	632.726.166	(568.076.166)
Thành phẩm	2.197.081.935	-	-	-
Tổng	2.829.808.101	(568.076.166)	632.726.166	(568.076.166)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
20C Khu phố Cầu Hang, phường Hóa An,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	29.332.621.306	44.886.574.716	9.763.813.052	289.463.680	84.272.472.754
Tăng trong năm	-	447.000.000	-	-	447.000.000
Mua trong năm	-	447.000.000	-	-	447.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	29.332.621.306	45.333.574.716	9.763.813.052	289.463.680	84.719.472.754
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	26.256.133.864	36.027.204.470	5.743.211.982	240.503.680	68.267.053.996
Tăng trong năm	483.713.519	1.968.614.978	802.352.808	16.320.000	3.271.001.305
Khấu hao trong năm	483.713.519	1.968.614.978	802.352.808	16.320.000	3.271.001.305
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	26.739.847.383	37.995.819.448	6.545.564.790	256.823.680	71.538.055.301
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	3.076.487.442	8.859.370.246	4.020.601.070	48.960.000	16.005.418.758
Tại ngày 31/12/2023	2.592.773.923	7.337.755.268	3.218.248.262	32.640.000	13.181.417.453

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 33.735.672.584 VND (tại ngày 31/12/2022 là 33.353.708.948 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	97.797.141.259	97.797.141.259
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>97.797.141.259</u>	<u>97.797.141.259</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	60.641.834.656	60.641.834.656
Tăng trong năm	4.971.588.372	4.971.588.372
Khấu hao trong năm	4.971.588.372	4.971.588.372
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>65.613.423.028</u>	<u>65.613.423.028</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	<u>37.155.306.603</u>	<u>37.155.306.603</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>32.183.718.231</u>	<u>32.183.718.231</u>

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Điểm du lịch và nhà ở Hóa An	4.087.439.696	4.087.439.696
Đầu tư mỏ đá Núi Gió	248.058.177	248.058.177
Chi phí mua đất mỏ đá Tân Cang 3	8.080.644.400	8.080.644.400
Chi phí mua đất khu phụ trợ Mỏ đá Thạnh Phú 2	1.840.685.107	1.840.685.107
Chi phí xây dựng Mỏ đá Tân Cang 3	6.883.231.421	6.883.231.421
Tổng	<u>21.140.058.801</u>	<u>21.140.058.801</u>

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn	-	475.907.725
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	475.907.725
b) Dài hạn	32.658.040.393	39.862.641.766
Chi phí bóc tầng phủ mỏ đá	15.890.122.675	21.175.753.546
Chi phí thuê đất	8.632.101.712	9.553.114.074
Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng	5.401.777.516	5.080.768.379
Chi phí đền bù, di dời nhà văn phòng, nhà kho tại mỏ đá Tân Cang 3	645.211.607	803.222.603
Các khoản chi phí trả trước khác	2.088.826.883	3.249.783.164
Tổng	<u>32.658.040.393</u>	<u>40.338.549.491</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2023

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VNĐ)		01/01/2023 (VNĐ)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Đá Thanh Phú	7.854.653.579	7.854.653.579	9.180.045.005	9.180.045.005
Công ty TNHH MTV Tân Phú Thành	1.194.892.848	1.194.892.848	969.460.928	969.460.928
Các đối tượng khác	1.482.359.640	1.482.359.640	2.036.897.306	2.036.897.306
Tổng	10.531.906.067	10.531.906.067	12.186.403.239	12.186.403.239

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2023	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải nộp	9.453.912.419	102.446.130.731	90.399.625.512	21.500.417.638				
Thuế giá trị gia tăng	2.569.660.391	20.055.092.811	20.869.282.257	1.755.470.945				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	3.010.416.543	22.855.850.763	22.449.558.552	3.416.708.754				
Thuế thu nhập cá nhân	1.043.413.115	5.512.314.290	4.824.040.593	1.731.686.812				
Thuế tài nguyên	1.794.962.615	22.532.013.435	21.500.710.761	2.826.265.289				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.814.789.025	4.814.789.025	-				
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-				
Phí bảo vệ môi trường	1.035.459.755	13.324.664.001	12.751.298.802	1.608.824.954				
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	9.280.450.843	3.183.945.522	6.096.505.321				
Các loại thuế khác	-	4.064.955.563	-	4.064.955.563				
Phải thu	8.382.429.876	7.791.026.258	-	591.403.618				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.967.748.743	3.376.345.125	-	591.403.618				
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	4.414.681.133	4.414.681.133	-	-				

(i) Trong tổng số thuế TNDN Công ty phải nộp trong năm là 22.855.850.763 VNĐ, Trong đó, số thuế TNDN phải nộp của năm 2023 là 22.845.694.443 VNĐ và số thuế phải nộp bổ sung của năm 2022 là 10.156.320 VNĐ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng hoàn nguyên môi trường	6.401.106.572	5.953.714.721
Tổng	6.401.106.572	5.953.714.721

2023
Y
+
AN
NAM
21-2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	171.884.969.731	468.583.015.347
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	52.332.261.663	52.332.261.663
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	-	(1.020.543.662)	(1.020.543.662)
Trích thù lao BKS	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.610.180.000)	(3.610.180.000)
Chia cổ tức 2021	-	-	-	-	(73.630.365.000)	(73.630.365.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	145.668.142.732	442.366.188.348
Số dư tại ngày 01/01/2023	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	145.668.142.732	442.366.188.348
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	87.053.668.250	87.053.668.250
Chia cổ tức 2022 (i)	-	-	-	-	(73.630.365.000)	(73.630.365.000)
Trích thù lao HĐQT (i)	-	-	-	-	(555.068.749)	(555.068.749)
Trích thù lao BKS (i)	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 (ii)	-	-	-	-	(44.178.219.000)	(44.178.219.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	114.070.158.233	410.768.203.849

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-Cty/CPHA ngày 20/4/2023 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau:

- Chi trả cổ tức 50% trên vốn điều lệ với giá trị 73.630.365.000 VND. Trong đó, Chi trả cổ tức 30% trên vốn điều lệ theo thông báo số 49/CVCT của Công ty tại ngày 20/12/2022 và 20% còn lại đã được Công ty thanh toán bằng tiền theo thông báo số 18/CVCT của Công ty tại ngày 26/05/2023.

- Trích thù lao HĐQT với tỷ lệ 2% trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 là: 1.046.645.000 VND (Trong đó: Công ty đã tạm trích năm 2022 là 491.576.251 VND, số còn lại trích trong năm 2023 là 555.068.749 VND).

- Trích thù lao BKS trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 là: 288.000.000 VND.

(ii) Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ chi trả 30% theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 16/8/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo số 1487/TB-SGDHCM ngày 07/9/2023 của Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu:

Đối tượng	Tại 31/12/2023			Tại 01/01/2023 (Trình bày lại)		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị (VND)
Tổng Công ty vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	24,86%	3.758.343	37.583.430.000	24,86%	3.758.343	37.583.430.000
Bà La Mỹ Phương	9,13%	1.381.100	13.811.000.000	4,57%	691.100	6.911.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	66,01%	9.980.503	99.805.030.000	70,57%	10.670.503	106.705.030.000
Tổng	100%	15.119.946	151.199.460.000	100%	15.119.946	151.199.460.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	151.199.460.000	151.199.460.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	151.199.460.000	151.199.460.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	117.808.584.000	73.630.365.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.119.946	15.119.946
Cổ phiếu phổ thông	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(393.873)	(393.873)
Cổ phiếu phổ thông	(393.873)	(393.873)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.726.073	14.726.073
Cổ phiếu phổ thông	14.726.073	14.726.073
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Quỹ đầu tư phát triển

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	98.745.293.116	98.745.293.116
Tổng	98.745.293.116	98.745.293.116

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán đá vật liệu xây dựng	375.398.153.999	387.820.074.803
Tổng	375.398.153.999	387.820.074.803

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán đá vật liệu xây dựng	270.701.423.565	284.973.204.825
Tổng	270.701.423.565	284.973.204.825

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	869.955.119
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.091.451.636	8.863.551.636
Cổ tức, lợi nhuận được chia	357.483.600	1.347.039.100
Doanh thu hoạt động tài chính khác	156.365.065	-
Tổng	14.605.300.301	11.080.545.855

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Dư phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	32.464.455.046
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(33.122.274.492)	(3.654)
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	7.734.475.492	-
Chi phí tài chính khác	117.890.940	139.079.416
Tổng	(25.269.908.060)	32.603.530.808

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.5 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	77.214.991	13.000.000
Chi phí bằng tiền khác	77.214.991	13.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.422.741.042	16.578.967.172
Chi phí nhân viên quản lý	9.821.009.306	9.915.323.957
Chi phí vật liệu quản lý	511.195.003	518.941.114
Chi phí khấu hao TSCĐ	843.240.984	751.885.718
Thuế phí và lệ phí	191.786.070	10.420.928
Chi phí dự phòng	13.299.450.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.888.927	123.041.066
Chi phí bằng tiền khác	5.621.170.752	5.259.354.389
Tổng	30.499.956.033	16.591.967.172

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	17.100.000	616.142.045
Tổng	17.100.000	616.142.045
<i>Chi phí khác</i>		
Phạt vi phạm hành chính	4.064.955.563	-
Các khoản khác	124.764.506	68.149.218
Tổng	4.189.720.069	68.149.218
Lợi nhuận khác	(4.172.620.069)	547.992.827

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.564.909.378	27.055.120.873
Chi phí nhân công	33.052.997.048	33.537.251.954
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	13.695.131.976	27.401.128.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.242.589.677	8.159.086.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.741.094.956	161.807.275.986
Chi phí khác bằng tiền	41.904.656.563	43.605.308.628
Tổng	301.201.379.598	301.565.171.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	109.899.362.693	65.279.910.680
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	4.686.593.114	805.373.499
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	4.064.955.563	-
+ Chi phí không được trừ	621.637.551	805.373.499
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	114.585.955.807	66.085.284.179
-Thu nhập miễn thuế	357.483.600	1.347.039.100
+ Cổ tức được chia	357.483.600	1.347.039.100
Thu nhập tính thuế	114.228.472.207	64.738.245.079
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	22.845.694.443	12.947.649.017

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	87.053.668.250	52.332.261.663
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Thù lao HĐQT, BKS (i)	-	(843.068.749)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	87.053.668.250	51.489.192.914
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	14.726.073	14.726.073
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.912	3.496

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, chi thưởng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý Điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý Điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thưởng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023 như được trình bày tại Thuyết minh số 5.16. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	52.332.261.663	52.332.261.663	-
Các khoản điều chỉnh giảm:			
<i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS</i>	(2.093.290.986)	(843.068.749)	1.250.222.237
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.238.970.677	51.489.192.914	1.250.222.237
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	14.726.073	14.726.073	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.412	3.496	85

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 26/02/2024, Công ty nhận được Quyết định số 445/QĐ-XP/HC ngày 23/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xử phạt hành chính liên quan đến đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp tại phường Tam Phước, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai với giá trị là 4.064.955.563 VND. Tới thời điểm lập báo cáo, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và thực hiện ghi nhận vào sổ sách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

7.2 Danh sách bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn
Các cá nhân quản lý (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

a.1 Thù lao và lợi ích khác Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch	515.333.000	95.000.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên/ Tổng Giám đốc	1.290.183.150	1.552.606.330
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	889.021.130	1.107.067.500
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên	430.278.000	80.000.000
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên	430.278.000	80.000.000
Tổng		3.555.093.280	2.914.673.830

a.2 Thù lao và lợi ích khác Ban kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng Ban kiểm soát	180.000.000	30.000.000
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên	126.000.000	21.000.000
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên	126.000.000	21.000.000
Tổng		432.000.000	72.000.000

a.3 Thu nhập và lợi ích khác của Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Đỗ Văn Ngọc	Kế toán trưởng	597.175.000	611.083.000
Tổng		597.175.000	611.083.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giao dịch khác			
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP	Chia cổ tức	30.066.744.000	18.791.715.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Chia cổ tức	251.900.000	280.000.000
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Chia cổ tức	5.745.840.000	1.436.460.000
Ông Nguyễn Văn Lương	Chia cổ tức	1.459.520.000	912.200.000
Tổng		37.524.004.000	21.420.375.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo địa bàn kinh doanh của Công ty gồm: Chi nhánh Vĩnh Cửu, Chi nhánh Biên Hòa và Chi nhánh Bình Phước:

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
Tổng doanh thu	164.722.645	159.330.644	51.344.865	375.398.154
Kết quả kinh doanh bộ phận				
Lợi nhuận gộp	41.218.389	45.882.759	17.595.583	104.696.731
Doanh thu hoạt động tài chính				14.605.300
Chi phí tài chính (không phân bổ)				25.269.908
Chi phí bán hàng				(77.215)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(30.422.741)
Lợi nhuận khác				(4.172.620)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				109.899.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(22.845.694)
Lợi nhuận trong năm				87.053.668

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận kết thúc tại ngày 31/12/2023

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	46.449.753	38.038.082	14.286.359	98.774.194
Tài sản không thể phân bổ				370.321.763
Tổng tài sản				469.095.957
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	3.103.417	2.123.609	963.535	6.190.561
Nợ phải trả không phân bổ				52.137.192
Tổng nợ phải trả				58.327.753

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
Tổng doanh thu	182.955.022	140.533.574	64.331.480	387.820.076
Kết quả kinh doanh bộ phận				
Lợi nhuận gộp	39.508.883	40.965.081	22.372.906	102.846.870
Doanh thu hoạt động tài chính				11.080.546
Chi phí tài chính (không phân bổ)				(32.603.531)
Chi phí bán hàng				(13.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(16.578.967)
Lợi nhuận khác				547.993
Lợi nhuận kế toán trước thuế				65.279.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(12.947.649)
Lợi nhuận trong năm				52.332.262

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận kết thúc tại ngày 31/12/2022

	Vĩnh Cửu	Biên Hòa	Bình Phước	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	46.492.091	40.229.016	8.515.048	95.236.155
Tài sản không thể phân bổ				396.176.509
Tổng tài sản				491.412.664
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	2.633.551	3.710.617	748.110	7.092.278
Nợ phải trả không phân bổ				41.954.197
Tổng nợ phải trả				49.046.475

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

Người lập

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Ngọc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Lương





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2024 *only*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lương

